

(Dự thảo)

**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030**

I. TÊN CHƯƠNG TRÌNH VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030(sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Cơ quan quản lý Chương trình

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả nước; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, tạo mô hình sinh kế gắn với việc làm ổn định cho nhân dân, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người vùng đồng bào DTTS&MN năm 2025 tăng trên 2,0 lần so với cuối năm 2020;

- Giải quyết cơ bản nhu cầu tối thiểu đất ở, nước sinh hoạt, đất sản xuất của các hộ DTTS, hộ nghèo, cận nghèo; tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã ĐBKK, các thôn, bản ĐBKK;

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Hỗ trợ phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ, gia cầm, dược liệu quý theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng miền; bảo vệ và phát triển rừng; phát triển nghề nghiệp, khởi nghiệp, phát triển kinh doanh nhằm tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, góp phần giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS&MN;

- Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%; 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số;

- Tuyên truyền, phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, công tác dân tộc và chính sách dân tộc nói riêng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững; nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội; ổn định chính trị vùng đồng bào DTTS&MN;

- Phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN trong việc vận động, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt công tác dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Duy trì và phát triển các DTTS rất ít người; cơ bản ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, góp phần nâng cao chất lượng dân số

và nguồn nhân lực; tạo sự chuyển biến tích cực trong thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ ở vùng đồng bào DTTS&MN; giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em, phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%;

- Bảo vệ và giữ gìn văn hóa truyền thống các DTTS gắn với phát triển du lịch, 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

***Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025**

- Thu nhập bình quân đầu người vùng đồng bào DTTS&MN năm 2025 tăng trên 2,0 lần so với cuối năm 2020;

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%;

- Giải quyết 90% nhu cầu tối thiểu đất ở, đất sản xuất của các hộ DTTS, hộ nghèo, cận nghèo; xóa nhà tạm cho 60% số hộ DTTS nghèo;

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa.

- 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố;

- 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp;

- 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;

- Bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%;

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số;

- Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế;

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%;
- 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước;
- Giảm hộ nghèo xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới;
- Xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng;
- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân;
- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở;

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng thực hiện Chương trình

- Thôn, bản, buôn, làng, ấp... (sau đây gọi chung là thôn, bản); xã vùng đồng bào DTTS&MN;
- Hộ gia đình, cá nhân người DTTS;
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS&MN;
- Nhóm hộ và cộng đồng trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

2. Phạm vi thực hiện Chương trình

Chương trình được thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Giai đoạn 2021- 2030

V. TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

Theo quy định của Luật Đầu tư công, tổng kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 như sau:

Tổng kinh phí Chương trình: 208.466,61 tỷ đồng, trong đó:

1. Kinh phí thực hiện các dự án của Chương trình: 198.539,63 tỷ đồng, dự kiến huy động từ các nguồn:

- Ngân sách trung ương: 156.203,98 tỷ đồng (vốn đầu tư: 117.074,44 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 38.828,04 tỷ đồng; vốn cấp bù lãi suất tín dụng: 301,5 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 12.962,30 tỷ đồng (vốn đầu tư: 11.538,34 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 1.274,56 tỷ đồng).

- Vốn tín dụng chính sách: 22.895,48 tỷ đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác: 5.892,87 tỷ đồng.

2. Dự phòng 5% kinh phí thực hiện các dự án của Chương trình: 9.926,98 tỷ đồng.

VI. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Mục tiêu:

- Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi mỗi năm trên 3%; phấn đấu tăng mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số lên 2 lần so với năm 2020.

- Hỗ trợ hộ đồng bào DTTS nghèo chưa có đất ở để ổn định cuộc sống và hỗ trợ 60% số hộ DTTS nghèo ở vùng ĐBKK cải thiện nhà ở.

- Hỗ trợ đất sản xuất cho hộ DTTS nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất hoặc thiếu đất sản xuất dưới 50% định mức theo quy định của địa phương, trong đó chuyển đổi nghề cho trên 50% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn thiếu đất sản xuất.

- 90% hộ đồng bào nghèo ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- 50% lao động trong độ tuổi có nhu cầu chuyển nghề được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Tạo điều kiện thuận lợi để hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất.

- Hỗ trợ công trình vệ sinh cho các hộ gia đình nhằm bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn.

b) Đối tượng:

- Hộ DTTS nghèo chưa có đất ở, nhà ở;

- Hộ DTTS nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất dưới 50% định mức theo quy định của địa phương. Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất hoặc hộ DTTS nghèo không có đất sản xuất, có nhu cầu chuyển đổi nghề được nhà nước hỗ trợ học nghề và chuyển đổi nghề.

- Hộ, nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn ĐBKK vùng DTTS&MN thiếu nước sinh hoạt.

- Hộ DTTS nghèo vùng DTTS&MN chưa có nhà tiêu hoặc đã có nhưng chưa hợp vệ sinh.

c) Nội dung hỗ trợ:

* Đối với hỗ trợ đất ở:

- Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và phù hợp với pháp luật về đất đai;

- Mức đầu tư tối thiểu 80 triệu đồng/hộ, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ là 40 triệu đồng/hộ; vay ưu đãi 25 triệu/hộ; ngân sách địa phương, gia đình và cộng đồng tối thiểu 15 triệu đồng/hộ.

- Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng.

* Đối với hỗ trợ nhà ở:

Hộ gia đình DTTS nghèo ở vùng DTTS&MN chưa có nhà ở được đầu tư xây dựng 01 căn nhà cấp 4 (khoảng 40 m²) với mức tối thiểu 80 triệu đồng/hộ, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ: 40 triệu đồng/hộ; vay tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng

Chính sách xã hội: 25 triệu đồng/hộ; hỗ trợ thêm từ cộng đồng, doanh nghiệp, gia đình và dòng họ, ngân sách địa phương tối thiểu 15 triệu đồng/hộ:

* Đối với hộ trợ đất sản xuất:

- Hộ trợ trực tiếp đất sản xuất:

- Định mức đất sản xuất cho mỗi hộ: Căn cứ theo mức bình quân chung của từng địa phương;

- Hộ DTTS nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất (dưới 50% định mức theo quy định của địa phương) có nhu cầu đất sản xuất và địa phương có quỹ đất sản xuất thì được hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/hộ, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội tối đa 70 triệu đồng/hộ để tạo quỹ đất, thời hạn vay tối đa là 10 năm; lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ.

- Quỹ đất sản xuất để giao cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo bao gồm: Đất thu hồi từ các nông, lâm trường và các doanh nghiệp, tổ chức sau khi sắp xếp lại theo Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2003 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh; đất khai hoang phục hóa, đất hiến tặng, mua, chuyển nhượng tự nguyện; đất thu hồi từ các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai và các nguồn khác;

- Những nơi không còn quỹ đất để giao đất sản xuất cho các hộ thì được hỗ trợ để chuyển đổi sang một trong các hình thức sau:

+ Hộ trợ chuyển đổi nghề:

Những hộ có lao động học nghề để chuyển đổi nghề, có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp hoặc cần vốn để làm các nghề khác, tăng thu nhập, thì được ngân sách Trung ương hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ và được vay vốn tín dụng tối đa áp dụng đối với hộ nghèo trong từng thời kỳ; thời hạn vay tối đa là 10 năm; lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ.

Những hộ, lao động chuyển đổi nghề, ngoài việc được hưởng các chính sách nêu trên, còn được hưởng các chính sách ưu đãi liên quan về dạy nghề, xuất khẩu lao động theo quy định hiện hành. Ngoài mức hỗ trợ này, từng địa phương tùy theo khả năng nguồn ngân sách mà quyết định mức hỗ trợ thêm.

Các đối tượng nêu trên chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề.

* Đối với hồ trợ nước sinh hoạt:

- Nước sinh hoạt phân tán: Đối với hộ nghèo ở các xã khu vực III, thôn DBKK thiếu nước sinh hoạt và chưa có công trình cấp nước tập trung được hỗ trợ tiền tối đa 3 triệu đồng/hộ để tạo nguồn nước (phân tán) phục vụ sinh hoạt.

- Nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng những công trình nước tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng đặc biệt khó khăn chưa có hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Tổng mức đầu tư cho một công trình, căn cứ vào tình hình thực tế để phê duyệt dự án đầu tư; trong đó, ngân sách Trung ương hỗ trợ bình quân 3 tỷ đồng/công trình;

* Đối với hồ trợ công trình nhà tiêu hợp vệ sinh cho các hộ gia đình

- Hỗ trợ xây dựng công trình nhà tiêu hợp vệ sinh

Trong giai đoạn 2021-2025 dự kiến hỗ trợ 80% tổng số hộ DTTS nghèo vùng đồng bào DTTS&MN (tương đương khoảng 595.115 hộ) xây dựng công trình nhà tiêu hợp vệ sinh, mỗi hộ 2,5 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện:

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội, bộ, ngành và các địa phương liên quan triển khai thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

* Tổng kinh phí thực hiện: 30.827,69 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 12.711,86 tỷ đồng (vốn đầu tư: 6.442,2 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 5. 6.269,66 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 220,79 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn tín dụng chính sách: 17.645,48 tỷ đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 249,56 tỷ đồng.

* Phân chia kinh phí thực hiện hỗ trợ các nội dung:

- Hỗ trợ đất ở:

Kinh phí thực hiện: 1.177,54 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 588,77 tỷ đồng (vốn sự nghiệp)

+ Ngân sách địa phương: 220,79 tỷ đồng (vốn sự nghiệp)

- Hỗ trợ làm nhà ở (TW hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ, vay tín dụng 25 triệu đồng/hộ; địa phương 4 triệu đồng/ hộ; gia đình 4 triệu đồng/hộ)

Kinh phí thực hiện: : 1.330,99 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 665,5 tỷ đồng (vốn sự nghiệp)

+ Vốn tín dụng chính sách: 415,94 tỷ đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 249,56 tỷ đồng.

- Hỗ trợ hộ thiếu đất sản xuất và chuyển đổi nghề, trong đó

Kinh phí thực hiện: : 19.663,99 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 2.802,13 tỷ đồng (vốn sự nghiệp)

+ Vốn tín dụng chính sách: 16.861,56 tỷ đồng.

- Hỗ trợ nước sinh hoạt:

Kinh phí thực hiện: 7.167,67 tỷ đồng từ ngân sách trung ương (vốn đầu tư: 6.442,2 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 725,47 tỷ đồng);

- Hỗ trợ công trình vệ sinh: Kinh phí thực hiện: 1.487,8 tỷ đồng từ ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp);

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Mục tiêu

Giai đoạn 2021-2030 hoàn thành việc bố trí, sắp xếp ổn định cho 335.987 hộ ở vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, dân di cư tự do, dân cư trú trong khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh du cư. Trong đó, giai đoạn 2021-2025 bố trí ổn định 219.736 hộ, bao gồm: 141.974 hộ vùng thiên tai, 24.840 hộ vùng đặc biệt khó khăn, 17.888 hộ vùng biên giới, 18.532 hộ di cư tự do, 2.168 hộ cư trú trong khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, 13.974 hộ dân tộc thiểu số còn du canh, du cư.

b) Đối tượng: Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nội dung đầu tư:

- Đầu tư, hỗ trợ các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do, dân

cư trú trong khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và các dự án định canh định cư cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh du cư.

- Hỗ trợ cộng đồng bố trí dân cư xen ghép
- Hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình tái định cư hoặc ổn định tại chỗ

d) Phân công thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện giai đoạn 2021-2030 là: 54.013,5 tỷ đồng. Giai đoạn 2021-2025 là: 33.954,5 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 26.299,1 tỷ đồng (vốn đầu tư: 23.406,2 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 2.892,9 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 5.152,09 tỷ đồng (vốn đầu tư: 4.905,76 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 606,33 tỷ đồng).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 2.143,31 tỷ đồng

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Dân tộc, bộ, ngành, địa phương liên quan.
- Tổng kinh phí thực hiện: 11.962,48 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 3.806,0 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 1.442,7 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 2.061,8 tỷ đồng; Vốn cấp bù lãi suất chính sách tín dụng: 301,5 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 406,48 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 267,54 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 138,94 tỷ đồng);

- Vốn tín dụng: 5.250 tỷ đồng

- Vốn huy động hợp pháp khác: 2.500 tỷ đồng.

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế lâm nghiệp

a) Mục tiêu: Khuyến khích bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân.

b) Đối tượng:

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng: bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng; ưu tiên cho hộ DTTS nghèo, hộ dân tộc kinh nghèo ở vùng ĐBKK thiếu đất sản xuất mà địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ đất.

- Cộng đồng dân cư thôn, bản được giao rừng theo quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và Luật Đất đai thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

- Tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Khoán bảo vệ rừng phù hợp với thực tế;
- Hỗ trợ bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung;
- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ;
- Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ;
- Trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy;
- Trồng cây ăn quả.
- Trồng cây công nghiệp (chè, cà phê, điều, tiêu...)
- Cho vay vốn tín dụng ưu đãi (cho vay trồng rừng, cho vay phát triển chăn nuôi).

d) Phân công thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương triển khai thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

Tổng kinh phí thực hiện: tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

3.2. Tiểu Dự án 2: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, phát triển vùng nguyên liệu, chế biến thức ăn và chăn nuôi đại gia súc, gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Mục tiêu:

- Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi mỗi năm trên 3%;

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển vùng nguyên liệu, chế biến thức ăn và chăn nuôi đại gia súc, gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm để chuyển đổi, phát triển sinh kế phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số nhằm phấn đấu tăng mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số lên 2 lần so với năm 2020;

- Thu hút các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp, các doanh nghiệp xã hội, các tổ chức kinh tế - xã hội đầu tư các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, phát triển sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị ở vùng đồng bào DTTS&MN.

b) Đối tượng, địa bàn:

+ Đối tượng:

- Hộ gia đình người DTTS, hộ nghèo, cận nghèo ở vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đầu tư các mô hình ở vùng ĐBKK có nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nâng cao thu nhập cho người dân;

- Cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xã liên kết đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, trồng và chế biến thức ăn đại gia súc và phát triển đàn đại gia súc, gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Địa bàn:

- Xã, thôn, bản vùng đồng bào DTTS&MN, ưu tiên các địa phương có diện tích đất canh tác nông nghiệp có năng suất thấp, đất soi, đất bãi, tương đối tập trung có quy mô diện tích phù hợp để đầu tư các dự án có thể cơ giới hóa, ứng dụng khoa học công nghệ và sử dụng nhiều lao động tại chỗ.

c) Nội dung hỗ trợ:

Các hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp đầu tư mô hình, dự án sản xuất hữu cơ hoặc các dự án có ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển vùng nguyên liệu, chế biến thức ăn và chăn nuôi đại gia súc, gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị trên địa bàn vùng DTTS và MN, có sử dụng từ 70% lao động tại chỗ được hỗ trợ kinh phí từ Chương trình MTQG cho toàn bộ các nội dung về cơ chế, chính sách được quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn dành cho loại hình dự án

nông nghiệp thuộc diện đặc biệt ưu đãi đầu tư. Trong đó, bao gồm các cơ chế về ưu đãi về đất đai và tiếp cận, hỗ trợ tín dụng như sau:

- Cơ chế ưu đãi về đất đai:

+ Được Nhà nước giao đất hoặc được chuyển mục đích đất để làm nhà ở cho người lao động theo quy định tại Điều 55 Luật đất đai được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất được chuyển mục đích để xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc tại dự án; được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đó sau khi được chuyển đổi.

+ Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước;

+ Được miễn tiền cho thuê đất xây dựng nhà ở cho người lao động của dự án, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (*đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa, sân phơi, đường giao thông, cây xanh*) kể cả đất được phép chuyển mục đích sang các loại đất quy định tại khoản này để phục vụ dự án đó thì được miễn tiền thuê đất.

+ Các hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp đầu tư mô hình, dự án ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển vùng nguyên liệu, chế biến thức ăn và chăn nuôi đại gia súc, gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị đầu tư thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê mặt nước theo mức giá đất ưu đãi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định và giá thuê đất, thuê mặt nước ổn định tối thiểu 05 năm.

+ Các hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp đầu tư mô hình, dự án ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển vùng nguyên liệu, chế biến thức ăn và chăn nuôi đại gia súc, gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án và không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

+ Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản xây dựng các nhà máy chế biến nông sản, cơ sở hạ tầng đi kèm (*kho chứa, trụ sở, đường nội bộ, hệ thống xử lý chất thải*). Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng theo quy định của Luật đất đai và Luật xây dựng.

- Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng:

+ Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách Xã hội hoặc được hỗ trợ lãi suất vay thương mại từ nguồn vốn của Chương trình MTQG sau khi dự án hoàn thành như sau:

*) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi cho hộ nghèo tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

*) Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa là 8 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại.

*) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

Chính sách và phương thức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước ban hành phù hợp với điều kiện của các địa phương; các công trình xây dựng trên đất (*bao gồm cả nhà lợp, nhà kính, nhà màng và công trình thủy lợi,...*) được tính là tài sản để thế chấp vay vốn tại các ngân hàng thương mại.

d) Tổ chức thực hiện:

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành và địa phương liên quan xây dựng định mức chi tiết và hướng dẫn tổ chức thực hiện việc lựa chọn, đầu tư tối thiểu 30 mô hình dự án trên 10 địa phương đại diện cho các vùng miền trên cả nước để làm cơ sở nghiên cứu, tổng kết, đánh giá để đề xuất nhân rộng cho giai đoạn 2025 – 2030 trên phạm vi cả nước.

đ) Tổng kinh phí thực hiện: 4.585,0 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.350,0 tỷ đồng (vốn đầu tư: 400,0 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 950,0 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 135,0 tỷ đồng (vốn đầu tư: 80 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 55 tỷ đồng).

+ Vốn tín dụng chính sách: 2.250,0 tỷ đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 850 tỷ đồng.

3.3. Tiểu Dự án 3: Phát triển được liệu quý phù hợp vùng đồng bào DTTS&MN

a) Mục tiêu

- Phát triển các cơ sở sản xuất giống gốc, giống thương phẩm đối với các loài dược liệu quý phù hợp với đặc thù của các địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển vùng trồng dược liệu quý tập trung.

- Đầu tư phát triển thí điểm 10 vùng nuôi trồng tập trung các loại dược liệu quý và xác định tối thiểu 100 loại dược liệu quý, có giá trị kinh tế cao phù hợp với địa bàn các huyện DTTS&MN trong phạm vi cả nước;

- Thu hút đầu tư ít nhất 100 hợp tác xã, cơ sở sản xuất, chế biến dược liệu quý có quy mô từ nhỏ đến lớn, từ sơ chế, chế biến truyền thống đến ứng dụng công nghệ cao chế biến sâu để cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ các sản phẩm dược liệu địa phương theo chuỗi liên kết đạt tiêu chuẩn, phục vụ nhu cầu sử dụng trong nước và hướng đến xuất khẩu;

- Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các huyện triển khai thực hiện thí điểm Dự án đặc thù phát triển sâm Ngọc Linh và dược liệu quý trên địa bàn các huyện vùng đồng bào DTTS&MN xuống bằng hoặc cao hơn không quá 30% so với tỷ lệ hộ nghèo chung của vùng đồng bào DTTS&MN.

b) Đối tượng, phạm vi

- Đối tượng

+ Hộ gia đình, nhóm hộ gia đình người DTTS;

+ Hộ nghèo trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Doanh nghiệp sử dụng tối thiểu 70% lao động là người DTTS tại chỗ;

+ Doanh nghiệp đăng ký hoạt động và nộp thuế ở địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Thôn bản, xã, huyện, tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN.

- Phạm vi: các huyện vùng đồng bào DTTS&MN đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có ít nhất 50% tỷ lệ dân số là người DTTS trở lên;

+ Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện từ 30% trở lên;

+ Có ít nhất 1.000 ha rừng nguyên sinh, rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất ở độ cao từ 1.000 mét trở lên so với mực nước biển.

c) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất:

Các cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên đầu tư các dự án phát triển dược liệu quý được

hưởng các toàn bộ cơ chế, chính sách dành cho các dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư theo nội dung Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các chính sách đặc thù quy định tại Nghị định 65/2017/NĐ-CP quy định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu. Định mức hỗ trợ cụ thể không quá 1,5 lần so với định mức được quy định tại các văn bản nêu trên từ nguồn vốn từ Chương trình MTQG gồm các nội dung cơ bản như sau:

- Cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên đầu tư các dự án phát triển dược liệu quý được Nhà nước giao đất hoặc được chuyển mục đích đất để làm nhà ở cho người lao động theo quy định tại Điều 55 Luật đất đai được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất được chuyển mục đích để xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc tại dự án; được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đó sau khi được chuyển đổi.

- Hỗ trợ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê dịch vụ môi trường rừng của Nhà nước:

- + Các cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên đầu tư các dự án phát triển dược liệu quý thì các dự án đó được miễn tiền thuê đất, thuê dịch vụ môi trường rừng kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất, thuê dịch vụ môi trường.

- + Tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án phát triển dược liệu quý được Nhà nước cho thuê đất xây dựng nhà ở cho người lao động của dự án, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa, sân phơi, đường giao thông, cây xanh) kể cả đất được phép chuyển mục đích để phục vụ dự án đó thì được miễn tiền thuê đất.

- Về các khoản hỗ trợ tập trung đất đai:

- + Các cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên đầu tư thuê, thuê lại đất, dịch vụ môi trường rừng của hộ gia đình, cá nhân riêng lẻ để thực hiện dự án đầu tư phát triển dược liệu quý thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 30% tiền thuê đất, thuê dịch vụ môi trường rừng cho 10 năm đầu kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

+ Các cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên thực hiện các dự án phát triển dược liệu quý nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 70 triệu đồng/ha, nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án và không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất;

+ Trong chu kỳ thuê đất của cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên thực hiện các dự án phát triển dược liệu quý Nhà nước không điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm ảnh hưởng đến dự án. Trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật đất đai và các trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Luật đất đai;

+ Khuyến khích, tạo điều kiện miễn phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên chuyển đổi mục đích đất sản xuất để xây dựng các khu thăm quan, học tập kinh nghiệm nuôi trồng dược liệu kết hợp nghỉ dưỡng và các nhà máy chế biến các sản phẩm từ dược liệu quý, cơ sở hạ tầng đi kèm (kho chứa, trụ sở, đường nội bộ, hệ thống xử lý chất thải) nhưng tỷ lệ diện tích đất sản xuất được chuyển đổi trong 1 dự án không quá 15% tổng diện tích đất của dự án. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng theo quy định của Luật đất đai và Luật xây dựng.

- Về hỗ trợ tín dụng:

+ Cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên có dự án đầu tư trồng dược liệu quý được ngân sách hỗ trợ lãi suất vay thương mại từ Chương trình MTQG để thực hiện dự án như sau:

+ Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất cho vay đối với hộ nghèo tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

+ Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

Tối đa 15 năm đối với dự án phát triển Sâm Ngọc Linh; tối đa 10 năm đối với dự án phát triển dược liệu quý khác.

Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

+ Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

+ Phương thức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của các đối tượng của chính sách.

+ Các công trình xây dựng trên đất (bao gồm cả nhà lưới, nhà kính, nhà màng và công trình tưới tiêu) của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức kinh tế có dự án đầu tư trồng được liệu quý được tính là tài sản để thế chấp vay vốn tại các ngân hàng thương mại.

- Các nội dung hỗ trợ đầu tư các dự án phát triển được liệu quý nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao:

+ Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị định 65/2017/NĐ-CP quy định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác được liệu;

+ Nhà nước hỗ trợ cá nhân, tổ chức kinh tế thực hiện dự án trồng và sản xuất các sản phẩm từ được liệu quý thử nghiệm áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các chính sách đặc thù quy định tại Nghị định 65/2017/NĐ-CP quy định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác được liệu;

+ Cá nhân, tổ chức kinh tế được giao toàn bộ quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ sau khi các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu;

+ Các cá nhân, tổ chức kinh tế có dự án nhân giống được liệu quý bằng công nghệ nuôi cấy mô được hỗ trợ như sau:

Mức hỗ trợ 80% kinh phí đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Điều kiện hỗ trợ: Quy mô từ 01 triệu cây/năm trở lên thì mức hỗ trợ tăng tương ứng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

+ Cá nhân, tổ chức kinh tế có dự án sản xuất giống được liệu quý, trồng thử nghiệm được liệu quý hỗ trợ 70% chi phí từ Chương trình MTQG để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, cây giống nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

+ Cá nhân, tổ chức kinh tế đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.

- Các khoản hỗ trợ đặc thù trong đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm được liệu quý:

Cá nhân, tổ chức kinh tế có dự án đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm được liệu quý được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo các nội dung và định mức của sản phẩm chủ lực quốc gia như quy định tại Điều 11, Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường:

+ Cá nhân, tổ chức có dự án phát triển được liệu quý được ngân sách nhà nước hỗ trợ 1 lần với tổng kinh phí không quá 15% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1,5 tỷ đồng, gồm: Hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức trực tiếp đào tạo nghề cho lao động với mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/lao động, thời gian hỗ trợ 03 tháng.

Trường hợp cá nhân, tổ chức tham gia liên kết chuỗi giá trị được hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, mức hỗ trợ 500 ngàn đồng/nông dân tham gia liên kết được đào tạo. Thời gian hỗ trợ là 03 tháng.

Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh và được liệu quý; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các nội dung hỗ trợ khác được áp dụng theo quy định tại Điều 10, Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

d) Tổ chức thực hiện

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các địa phương lựa chọn 10 huyện thực hiện thí điểm trong giai đoạn 2021 – 2025;

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện và tiến hành tổng kết, đánh giá để đề xuất nhân rộng mô hình cho giai đoạn 2025 – 2030 trên phạm vi các địa bàn phù hợp khác trong cả nước.

đ) Kinh phí thực hiện: 4.175,0 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.150,0 tỷ đồng (vốn đầu tư: 500 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 650,0 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 175,0 tỷ đồng (vốn đầu tư: 120,0 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 55,0 tỷ đồng).

+ Vốn tín dụng chính sách: 1.500,0 tỷ đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 1.350,0 tỷ đồng.

3.4. Tiểu dự án 4: Hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

a) Mục tiêu:

* Giai đoạn 2021 - 2025

- Hỗ trợ 1.000 mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và phát triển kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS&MN;

- Tư vấn và hỗ trợ thành lập mới ít nhất 600 hợp tác xã, doanh nghiệp do người DTTS làm chủ; tạo ra ít nhất 10.000 việc làm mới có thu nhập thường xuyên cho người lao động trên địa bàn DTTS&MN;

- Thành lập mới ít nhất 10 trung tâm tư vấn, ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp hỗ trợ chuyên sâu cho người DTTS khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp dựa vào chuỗi giá trị đại diện các vùng, miền trên cả nước;

- Thu hút các doanh nghiệp, các doanh nghiệp xã hội, các tổ chức kinh tế - xã hội đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh du lịch, thương mại vùng đồng bào DTTS&MN.

* Giai đoạn 2021 – 2030

- Hỗ trợ 3.000 mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và phát triển kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS&MN;

- Tư vấn và hỗ trợ thành lập mới ít nhất 1.000 hợp tác xã, doanh nghiệp do người DTTS làm chủ; tạo ra ít nhất 10.000 việc làm mới có thu nhập thường xuyên cho người lao động trên địa bàn DTTS&MN.

- Duy trì, phát triển và mở rộng quy mô hoạt động của 10 trung tâm tư vấn, ương tạo doanh nghiệp khởi nghiệp hỗ trợ chuyên sâu cho người DTTS khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp dựa vào chuỗi giá trị đại diện các vùng, miền trên cả nước.

b) Đối tượng

- Người lao động, hộ gia đình người DTTS có khả năng và mong muốn khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ nhóm sản xuất đăng ký kinh doanh và hoạt động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN hoặc có dự án đầu tư vào vùng DTTS&MN. Ưu tiên doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ nhóm sản xuất sử dụng từ 50% lao động là người DTTS, người nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN trở lên; doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ nhóm sản xuất do người DTTS làm chủ.

- Các tổ chức, nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN.

c) Nội dung đầu tư/hỗ trợ

** Hỗ trợ đặc thù về tín dụng cho khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào DTTS&MN:*

- Người lao động, hộ gia đình, tổ nhóm sản xuất được vay vốn ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội. Định mức vay: với hạn mức vay gấp 5 lần mức vay dành cho hộ nghèo trong từng thời kỳ. Thời gian vay: 120 tháng. Lãi suất vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ.

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã được vay vốn ưu đãi tại các ngân hàng thương mại. Định mức vay tối đa bằng 70% tổng mức đầu tư của dự án. Ngân sách địa phương hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa là 5 năm.

3.2. Hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị cho doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào DTTS&MN:

- Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn thành lập doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp cho người dân tộc thiểu số trong năm đầu tiên;

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đầu tư ở vùng DTTS & MN, sử dụng lao động người DTTS được miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ cước vận tải, hỗ trợ 100% chi phí mua BHXH – BHYT-BHTN cho lao động người DTTS, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động người DTTS.

- Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực tư vấn khi kết nối giữa các người lao động/tổ sản xuất/ hợp tác xã/ doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

- Các tổ chức, nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn đăng ký chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến việc phát triển sản xuất và tiêu thụ hàng hóa của các doanh nghiệp khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN trong năm đầu tiên kể từ khi thành lập;

- Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế, in ấn bao bì, nhãn mác và thiết kế bộ nhận diện thương hiệu (tối đa 100 triệu đồng/doanh nghiệp) trong năm đầu tiên kể từ khi thành lập doanh nghiệp;

- Tổ chức 100 hội chợ xúc tiến thương mại trên địa bàn vùng DTTS&MN. Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các hội trợ triển lãm giới thiệu sản phẩm dành cho các doanh nghiệp trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ kinh phí mua công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu (tối đa không quá 300 triệu đồng/công nghệ).

** Hỗ trợ hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN gồm:*

- Hỗ trợ tối đa 80% kinh phí cho người lao động khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp theo chuỗi giá trị vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ biên dịch/biên soạn tài liệu, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo/huấn luyện khởi sự kinh doanh cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh phù hợp với vùng DTTS & MN.

** Hỗ trợ xây dựng và liên kết vận hành Trung tâm ươm tạo và hỗ trợ khởi nghiệp dành cho cộng đồng các dân tộc thiểu số:*

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng, lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin cho Trung tâm ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp dành cho đối tượng là người dân tộc thiểu số. Ưu tiên gắn các Trung tâm ươm tạo và hỗ trợ khởi nghiệp khu vực với các trường đại học khu vực.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho việc thuê địa điểm, gian hàng, trưng bày, vận chuyển trang thiết bị, truyền thông cho các sự kiện, cuộc thi khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN.

** Hỗ trợ tổ chức các hoạt động truyền thông, cung cấp thông tin khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN gồm:*

- Hỗ trợ xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin về các hoạt động liên quan đến khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DTTS&MN; xây dựng các chuyên trang, chuyên đề về khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư trên các kênh truyền thanh, truyền hình và ấn phẩm báo chí.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí tổ chức sự kiện giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.

d) Cơ chế thực hiện

Hỗ trợ khởi nghiệp cần dựa trên cơ sở người lao động có kỹ thuật, kỹ năng; sinh sống ở vùng có nguồn lực lao động, nguyên liệu dồi dào, có thế mạnh về nông lâm thổ sản, thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống; có tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn phong phú; có nhu cầu khởi sự kinh doanh phù hợp với xu hướng phát triển và quy hoạch của địa phương.

Hỗ trợ khởi nghiệp và hỗ trợ thu hút doanh nghiệp phải thông qua các dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thời gian thực hiện từ 5- 10 năm.

Thực hiện cơ chế hỗ trợ trọn gói về tài chính, phân cấp, trao quyền cho địa phương, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án.

Khuyến khích và mở rộng hoạt động tạo việc làm cho người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, sinh viên DTTS chưa có việc làm, phụ nữ DTTS thông qua các hoạt động khởi nghiệp, các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn. Ưu tiên các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn.

Nguồn vốn thực hiện dự án từ ngân sách nhà nước, vốn vay ngân hàng chính sách xã hội, vốn vay từ các ngân hàng thương mại, nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, nguồn vốn xã hội hoá và các nguồn vốn viện trợ hợp pháp khác.

Nội dung, định mức hỗ trợ tùy thuộc vào quy mô, sản phẩm và nhu cầu cụ thể của từng dự án; ưu tiên các mô hình tạo việc làm, phát huy thế mạnh cây, con, sản vật của từng vùng, miền cũng như các tri thức bản địa của các dân tộc.

e) Phân công thực hiện

- Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện các dự án trên địa bàn, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn cơ sở xây dựng dự án, hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện;

- Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn cộng đồng xây dựng dự án, chỉ đạo, phê duyệt dự án, và hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả theo định kỳ và hàng năm.

- Cộng đồng đề xuất, xây dựng dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, trực tiếp triển khai thực hiện, đánh giá kết quả và báo cáo theo quy định.

g) Vốn và nguồn vốn:

Kinh phí thực hiện: 3.202,48 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.306,00 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 542,70 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 461,80 tỷ đồng; Vốn cấp bù lãi suất chính sách tín dụng: 301,50 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 96,48 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 67,54 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 28,94 tỷ đồng);

- Vốn tín dụng: 1.500,00 tỷ đồng

- Vốn huy động hợp pháp khác: 300,00 tỷ đồng.

3.5. Tiểu dự án 5: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng DTTS&MN

a) Mục tiêu

Xây dựng mô hình gắn kết giữa dân bản - bộ đội, đặc biệt là bộ đội biên phòng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh biên giới và chủ quyền của đất nước thông qua các hoạt động: giáo dục, y tế, phát triển kinh tế, tuần tra biên giới, tham gia công tác trong bộ máy chính quyền cấp cơ sở...

b) Đối tượng

- Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã tại các xã biên giới đất liền;

- Bộ đội biên phòng tại các xã biên giới đất liền.

c) Nội dung đầu tư/hỗ trợ

- Hỗ trợ các mô hình quân - dân y kết hợp;

- Hỗ trợ các mô hình trường, điểm trường, lớp học với hình ảnh “thầy giáo quân hàm xanh”;

- Hỗ trợ các mô hình quân – dân trong công tác tuần tra, kiểm soát khu vực biên giới;

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Khu Kinh tế - quốc phòng và Đoàn Kinh tế - quốc phòng theo quy hoạch định hướng đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chủ động phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị, từng bước đưa dân ra sinh sống, hình thành các cụm làng, xã biên giới, giúp người dân nâng cao đời sống vật chất, tinh thần,...

d) Phân công thực hiện: Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện:tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương).

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

a) Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã ĐBKK, các thôn, bản ĐBKK, chú trọng cứng hóa đường đến trung tâm xã và đường trục thôn, bản; nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc.

b) Đối tượng:

- Các xã ĐBKK, thôn, bản ĐBKK.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc, bao gồm: Học viện Dân tộc, các trường dự bị đại học dân tộc, các trường phổ thông đặc thù, một số đơn vị sự nghiệp văn hóa.

c) Nội dung hỗ trợ:

* Đối với tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã ĐBKK, các thôn, bản ĐBKK:

- Công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh;
- Công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản;
- Trạm chuyển tiếp phát thanh xã; nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng;
- Trạm y tế xã đạt chuẩn;
- Công trình trường, lớp học đạt chuẩn;
- Cải tạo, xây mới các công trình thủy lợi nhỏ;
- Công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- Các loại công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi;
- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

Định mức đầu tư: điều chỉnh tăng định mức đầu tư cho cấp xã, thôn, bản gấp 2,0 lần so với mức đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 để đạt được các mục tiêu cụ thể Chương trình đã xác định¹

* Đầu tư cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã và đường trục thôn, bản:

Hiện nay còn 4.383 km² đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa và 72.668 km³ đường trục thôn, bản chưa cứng hóa, cần được đầu tư, suất đầu tư: 1,6 tỷ đồng/km đường tới trung tâm xã và 1,0 tỷ đồng/km đường trục thôn, bản)⁴

¹ - Dự kiến 2.014 xã, 2.675 thôn (là số xã, thôn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 trừ đi số xã, thôn đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 trong giai đoạn 2016-2020)

² - Số liệu điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

³ - Báo cáo số 3140/BC-BGTVT ngày 05/4/2019 của Bộ Giao thông Vận tải báo cáo kết quả thực hiện chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2018.

⁴ - Báo cáo số 3140/BC-BGTVT ngày 05/4/2019 của Bộ Giao thông Vận tải báo cáo kết quả thực hiện chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2018.

* Đối với nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc:

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc.

* Đầu tư lò hỏa táng đáp ứng nhu cầu cơ bản, cấp bách của cộng đồng trong việc xây dựng nếp sống văn minh đối với hoạt động tổ chức tang lễ của người dân; góp phần bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống trong văn hóa và tôn giáo của cộng đồng DTTS Khmer ở khu vực Tây Nam bộ.

d) Phân công thực hiện:

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

* Tổng kinh phí thực hiện 95.043,60 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 87.788,56 tỷ đồng (vốn đầu tư: 83.041,36 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 4.747,20 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 6.255,04 tỷ đồng (vốn đầu tư: 6.227,04 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 28,00 tỷ đồng).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 1,000 tỷ đồng.

* Phân chia kinh phí thực hiện hỗ trợ các nội dung:

- Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã DBKK, các thôn, bản DBKK:

Kinh phí thực hiện: 32.515,20 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 32.048,2 tỷ đồng (vốn đầu tư: 30.149,0 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 1.899,2 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 467,0 tỷ đồng (vốn đầu tư: 439,0 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 28,0 tỷ đồng).

- Đầu tư cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã và đường trục thôn, bản:

Kinh phí thực hiện: 57.880,40 tỷ đồng, trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 52.092,36 tỷ đồng (vốn đầu tư)
- + Ngân sách địa phương: 5.788,04 tỷ đồng (vốn đầu tư).
- Nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc:
Kinh phí thực hiện: 4.648,0 tỷ đồng, trong đó:
 - + Ngân sách trung ương: 3.648,0 tỷ đồng (vốn đầu tư: 830,0 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 3.022,0 tỷ đồng);
 - + Vốn huy động hợp pháp khác: 1.000,0 tỷ đồng.
- Đầu tư lò hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer khu vực Tây Nam Bộ
Kinh phí thực hiện: tỷ đồng, trong đó:
 - + Ngân sách trung ương: tỷ đồng (vốn đầu tư: tỷ đồng; vốn sự nghiệp: tỷ đồng);
 - + Vốn huy động hợp pháp khác: tỷ đồng.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và bộ, ngành, địa phương liên quan.
- Tổng kinh phí thực hiện: 14.453,738 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

5.1. Tiểu dự án 1: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức người dân tộc thiểu số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các dân tộc rất ít người

b) Đối tượng: Học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức công tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và trong các cơ quan công tác dân tộc

c) Nội dung:

- Đào tạo cán bộ cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới thông qua các chuyên ngành đào tạo đặc thù tại Học viện Dân tộc và các trường đại học

- Đối với bồi dưỡng hệ dự bị đại học: Hỗ trợ quy hoạch và xây dựng mạng lưới trường dự bị đại học; Hỗ trợ xây dựng chương trình, tài liệu dạy học phù hợp đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ xây dựng quy định đặc thù về chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng người giáo viên Trường dự bị đại học trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ giáo viên, người lao động tại Trường dự bị đại học: Trợ cấp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tham quan, học tập; Phụ cấp ưu đãi; Phụ cấp trách nhiệm; Phụ cấp thu hút; Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số; Hỗ trợ học sinh: hỗ trợ tài liệu học tập; hỗ trợ gạo, tiền ăn hàng tháng; hỗ trợ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Bồi dưỡng hệ dự bị đại học cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi đoạn 2021-2025, với quy mô đạt 150 học sinh trên một vạn đồng bào dân tộc thiểu số và 3% đối với các dân tộc thiểu số rất ít người

- Đối với đào tạo đại học và sau đại học: Quy mô đào tạo đạt tỷ lệ 200 sinh viên đại học trên một vạn dân, 10 thạc sĩ trên một vạn dân và 3 tiến sĩ trên một vạn dân. Đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó ưu tiên các đối tượng các dân tộc thiểu số rất ít người

d) Phân công thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện

e) Vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện là 2.874,738 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

5.2. Tiểu dự án 2. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

a) Mục tiêu: Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; kỹ năng sử dụng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số. Góp phần thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số chính sách dân tộc phát triển kinh tế xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc

b) Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị công tác ở các bộ, ngành trung ương trực tiếp theo dõi các dân tộc thiểu số và trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi

c) Nội dung:

- Bồi dưỡng về kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước và tiếng dân tộc thiểu số theo 4 nhóm đối tượng quy

định tại Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025"

- Thực hiện các nội dung về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kiến thức về dân tộc theo Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ

- Thực hiện các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến về công tác dân tộc theo Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025" theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

d)) Phân công thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện

e) Vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện là 1.197 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

5.3. Tiểu dự án 3: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học

a) Mục tiêu: Đổi mới hoạt động của cơ sở giáo dục chuyên biệt (Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm thúc đẩy chuyển biến mạnh mẽ trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tạo sự bình đẳng trong giáo dục (Học sinh dân tộc thiểu số và học sinh người Kinh học chung ở các trường, chỉ tạo điều kiện hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số về chính sách ăn, ở, nuôi dưỡng) góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của cả nước

b) Đối tượng hỗ trợ: Giáo viên, học sinh, người lao động tại cơ sở giáo dục chuyên biệt (Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

c) Nội dung hỗ trợ: Đối với đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học

- Hỗ trợ quy hoạch và xây dựng mạng lưới trường học (Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học)

- Hỗ trợ xây dựng chương trình, tài liệu dạy học phù hợp đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Hỗ trợ xây dựng quy định đặc thù về về chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng người giáo viên Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Hỗ trợ giáo viên, người lao động tại Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học: Trợ cấp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tham quan, học tập; Phụ cấp ưu đãi; Phụ cấp trách nhiệm; Phụ cấp thu hút; Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số

- Hỗ trợ học sinh: hỗ trợ tài liệu học tập; hỗ trợ gạo, tiền ăn hàng tháng; hỗ trợ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

d) Phân công thực hiện: Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện là 2.950 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

b) Đối tượng hỗ trợ: Cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp trung ương, tỉnh, huyện, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn về quy trình, kỹ năng tổ chức thực hiện Chương trình.

- Nâng cao năng lực cho cộng đồng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn để đảm bảo tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát thực hiện Chương trình.

d) Phân công thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn: Tổng kinh phí thực hiện là 1.932 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

5.5. Tiểu dự án 5: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Mục tiêu: Thực hiện chính sách xóa mù chữ (không biết đọc, biết viết chữ phổ thông) cho người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong đó có phụ nữ và trẻ em trong độ tuổi đi học nhằm thúc đẩy chuyển biến đáng kể trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tạo sự bình đẳng trong giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

b) Đối tượng hỗ trợ: Người dân mù chữ và giáo viên, người tham gia xóa mù chữ (bộ đội biên phòng, tăng lữ trong các ngôi chùa Khmer, cá nhân, tổ chức hảo tâm...) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí học tập, tài liệu... cho người dân mù chữ để khuyến khích họ tham gia các lớp xóa mù;

- Hỗ trợ xây dựng chương trình, tài liệu dạy học phổ cập giáo dục, xóa mù chữ phù hợp đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN;

- Hỗ trợ xây dựng quy định đặc thù về nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng người tham gia dạy học phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

- Cá nhân tham gia tổ chức, quản lý, dạy học và các công việc khác để thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được hưởng thù lao; trợ cấp bồi dưỡng chuyên môn; phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm.

d) Phân công thực hiện: Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện là 1.000 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

5.6. Tiểu dự án 6: Công chức dự bị cấp xã đáp ứng nhu cầu nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Tuyển chọn được trí thức trẻ ưu tú là người dân tộc thiểu số, có trình độ đại học tăng cường về các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện nhiệm vụ công chức dự bị, thông qua các hoạt động thực tiễn ở cơ sở tạo cơ hội, điều kiện để trí thức trẻ phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành, tạo nguồn cán bộ, công chức cho các địa phương, qua đó góp phần

đảm bảo chỉ tiêu về tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị theo Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới” theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ

b) Đối tượng: Dự kiến 1.000 trí thức trẻ có tuổi đời dưới 30 tuổi; có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu bố trí và sử dụng của chính quyền cơ sở; Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch gia đình rõ ràng; Có sức khỏe tốt và có khả năng đào tạo, bồi dưỡng để tạo nguồn cán bộ, công chức các địa phương; Tình nguyện làm việc tại xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong thời gian tối thiểu 5 năm (đủ 60 tháng); Ưu tiên người có hộ khẩu thường trú tại địa phương

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiền lương và các khoản thu nhập có tính chất lương
- Bố trí công việc, đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch phát triển trở thành công chức xã

d) Phân công thực hiện: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành liên quan và địa phương triển khai thực hiện

e) Vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện là 500 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

5.7. Tiểu dự án 7: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

b) Đối tượng: Người lao động đặc biệt là thanh niên trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên cho người nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn thiếu đất sản xuất mà địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ đất.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển, đa dạng các hình thức dạy nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt khó khăn; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng phù hợp với từng nhóm đối tượng trên từng địa bàn; tăng cường dạy nghề lưu động, dạy nghề tại chỗ (trên đồng ruộng, trang trại...); dạy nghề theo hình thức kèm cặp, cầm tay chỉ việc, truyền nghề tại các làng nghề; dạy nghề trên các phương tiện

thông tin đại chúng, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học nghề, tạo và tự tạo việc làm

- Tăng cường công tác tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi nghề đối với người lao động nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn thiếu đất sản xuất mà địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ đất

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đối với các trường trọng điểm thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các trường dân tộc nội trú, ưu tiên kinh phí hỗ trợ lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số học nghề. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo, sử dụng lao động địa phương

d) Phân công thực hiện: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bộ, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện

e) Vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện là 3.000 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

5.8. Tiểu dự án 8: Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số

a) Mục tiêu: Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc bảo đảm tỷ lệ hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan của Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ Trung ương đến cơ sở. Theo các chỉ tiêu về tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị theo Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới” theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ

b) Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số

c) Nội dung: Thực hiện chính sách đặc thù trong tuyển dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN:

- Về xét tuyển đặc cách công chức, viên chức thuộc nhóm dân tộc rất ít người hoặc nhóm dân tộc có tính đặc thù đối với từng địa phương (ví dụ một số Đa số người dân mù chữ vùng đồng bào DTTS&MN là thành viên lao động chính trong gia đình, vì vậy cần hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí học tập, tài liệu... để bù vào phần thu nhập bị mất do giảm thời gian lao động thì mới khuyến khích được người mù chữ tham gia các lớp xóa mù chữ. 77 tỉnh cần tuyển 02 cán bộ dân tộc Mông để thực hiện nhiệm vụ ở 1 cơ quan, lĩnh vực nào đó thì xét tuyển hồ sơ của những

người tốt nghiệp đại học phù hợp là người dân tộc Mông để đặc cách tuyển dụng; chọn được người khá trong số những người dân tộc Mông)

- Phương thức thi tuyển công chức, viên chức đối với người dân tộc thiểu số. Trong các kỳ thi tuyển công chức, viên chức do Ủy ban nhân tỉnh tổ chức phải xây dựng tỷ lệ, cơ cấu dành cho người dân tộc thiểu số trúng tuyển, tổ chức thi tuyển công chức, viên chức chung hội đồng thi, chung đề thi, chấm điểm chung, khi xác định người trúng tuyển thí sinh là người dân tộc thiểu số được tổng hợp riêng để xét lấy số điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu là người dân tộc thiểu số cần tuyển dụng nhưng điểm trúng tuyển của người dân tộc thiểu số không được thấp hơn 60% số điểm so với người dân tộc Kinh

d) Phân công thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành liên quan và địa phương triển khai thực hiện

e) Vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện là 1.000 tỷ đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương)

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

a) Mục tiêu

Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thiểu số đặc sắc và có nguy cơ bị mai một gắn với phát triển du lịch.

Phát triển mô hình du lịch khám phá, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng tại các bản, làng của đồng bào DTTS theo mô hình lưu trú tại nhà dân (homestay) và mô hình du lịch bền vững, có trách nhiệm, bảo đảm cộng đồng vùng đồng bào DTTS&MN được làm chủ và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch.

Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư vào điểm du lịch và các bản, làng theo mô hình du lịch cộng đồng, ưu tiên dự án hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ; ưu tiên tổ chức các sự kiện du lịch quốc gia, quốc tế trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

b) Đối tượng:

Nghệ nhân dân gian tại vùng DTTS&MN.

Câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian tại thôn, bản vùng DTTS&MN.

Cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu văn hóa dân gian, văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số.

Hộ gia đình người DTTS, hộ nghèo trên địa bàn địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, lữ hành có sử dụng tối thiểu 70% lao động là người DTTS;

Thôn bản, xã, huyện, tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN.

c) Nội dung thực hiện

* Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số

- Hỗ trợ nghệ nhân dân gian trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận.

- Hỗ trợ trực tiếp các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian tại thôn, bản vùng DTTS&MN.

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục dựng các lễ hội và hình thức sinh hoạt văn hóa, nhạc cụ, trang phục, kiến trúc truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Tổ chức Ngày hội văn hóa các dân tộc thường niên theo khu vực địa lý và một số dân tộc như Mông, Tày, Nùng, Mường, Thái, Dao, Chăm, Ê đê, Khmer...

* Phát triển du lịch kết hợp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc vùng đồng bào DTTS&MN

- Đầu tư phát triển điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN

- Các nội dung hỗ trợ đặc thù nhằm phát triển cơ sở lưu trú đạt chuẩn trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN:

- Ưu đãi phát triển các loại hình du lịch phù hợp lợi thế vùng đồng bào DTTS&MN

- + Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương cho nghiên cứu, thiết kế và tư vấn vận hành các tour, tuyến du lịch khám phá, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng tại các bản, làng của đồng bào DTTS theo mô hình lưu trú tại nhà dân (homestay);

- + Hỗ trợ kinh phí cho việc nghiên cứu, phục dựng và bảo tồn các lễ hội văn hóa truyền thống đặc sắc của cộng đồng các DTTS;

- + Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức các lễ hội văn hóa truyền thống đặc sắc của cộng đồng các DTTS.

- Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến đầu tư và kết nối đầu tư phát triển du lịch vùng đồng bào DTTS&MN:

+ Hỗ trợ xúc tiến đầu tư và quảng bá về các *Điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN* tại các sự kiện trong nước và quốc tế;

+ Hỗ trợ thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, chiến lược quảng cáo tiếp thị về các điểm đến và các cơ sở lưu trú tại các điểm đến trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ;

+ Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội chợ du lịch khu vực DTTS&MN hàng năm tại các địa bàn Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ;

+ Tổ chức lồng ghép đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch vào các chương trình, dự án đầu tư tại địa phương;

d) Tổ chức thực hiện

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và bộ, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: tỷ đồng; Vốn cấp bù lãi suất chính sách tín dụng: tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: tỷ đồng);

- Vốn tín dụng chính sách: tỷ đồng

- Vốn huy động hợp pháp khác: tỷ đồng.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao thể lực, tầm vóc người dân tộc thiểu số.

a) Mục tiêu

Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể lực, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN.

b) Đối tượng hỗ trợ:

Người dân, bà mẹ, trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là người dân thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&MN đến năm 2030 gồm: (1) nâng cao chất lượng dân số, chú trọng phổ cập dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; (2) mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại vùng đồng bào DTTS&MN; (3) Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng miền núi biên giới; (4) Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào DTTS&MN.

- Chăm sóc dinh dưỡng kết hợp với các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, nước sạch vệ sinh môi trường, an ninh lương thực hộ gia đình và các chương trình khác có liên quan.

d) Phân công thực hiện

Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: tỷ đồng, trong đó:

-Ngân sách trung ương:tỷ đồng(Vốn đầu tư phát triển: tỷ đồng; Vốn sự nghiệp:tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương:tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: tỷ đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác:tỷ đồng.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Mục tiêu

* Mục tiêu tổng quát

Nâng cao nhận thức, xoá bỏ định kiến, chuyển đổi hành vi trong đồng bào DTTS và đội ngũ cán bộ các cấp về bình đẳng giới; tập trung nguồn lực để giải quyết căn bản một số vấn đề xã hội cấp thiết của phụ nữ và trẻ em gái {thiếu kiến thức, kỹ năng sống; tình trạng mù chữ ở phụ nữ trong độ tuổi 35-50; tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; sinh đẻ thiếu an toàn; bạo lực trên cơ sở giới (bạo lực gia đình, buôn bán người...)nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

* Mục tiêu cụ thể đến 2025

- 60% cán bộ làm công tác dân tộc và cán bộ các ban ngành đoàn thể các cấp, người có uy tín tại địa bàn dự án được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về giới, lồng ghép giới và cập nhật kiến thức hàng năm
- 100% phụ nữ DTTS ở 580 xã ở địa bàn dự án được trang bị kiến thức, kỹ năng... và tham gia các hoạt động tại địa phương
- Ít nhất 60% phụ nữ vùng DTTS và miền núi trong độ tuổi 35 - 50 được tham gia vào các lớp XMC tại cộng đồng (1160 xã)
- Ít nhất 30% học viên đạt trình độ đọc thông, viết thạo tiếng Việt trên địa bàn dự án (1160 xã)
- Gói chính sách hỗ trợ XMC bao gồm hỗ trợ người đi học, hỗ trợ giáo viên, điều kiện học tập...
- Duy trì tỷ lệ ít nhất 90% hàng năm hội viên, phụ nữ vùng DTTS và miền núi được tuyên truyền/truyền thông, có kỹ năng phòng ngừa, lên tiếng, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới (bạo lực gia đình, buôn bán người, tảo hôn, hôn nhân cận huyết) hàng năm.
- 100% cán bộ Hội các cấp vùng dự án được tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, kỹ năng làm việc, hỗ trợ phụ nữ và nạn nhân, kỹ năng lồng ghép.
- Mỗi thôn, bản thuộc địa bàn dự án xây dựng ít nhất 01 mô hình can thiệp (tiết kiệm - tín dụng phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cơ chế phối hợp các ngành nhằm phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ nạn nhân; câu lạc bộ phòng chống bạo lực...)

b) Đối tượng và phạm vi thực hiện

* Đối tượng:

- Phụ nữ và trẻ em vùng DTTS và miền núi; quan tâm đối tượng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, tệ nạn xã hội, ma túy, làm chủ hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ là nạn nhân bị mua bán, lấy chồng nước ngoài trở về;
- Cán bộ, nhân viên y tế xã, cô đỡ thôn bản;
- Cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp tại địa phương; người có uy tín, cán bộ tại thôn bản;
- Cán bộ, chiến sỹ Đoàn Biên phòng đóng chân trên địa bàn;

- Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, thành viên các gia đình địa bàn dự án.

* Phạm vi thực hiện:

Dự án được thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN, ưu tiên lựa chọn theo 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1 (2021-2025): Các thôn ĐBKK thuộc 580 xã ĐBKK (số xã tương đương khoảng 30% tổng số xã đặc biệt khó khăn theo quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 và Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó ưu tiên lựa chọn các thôn ĐBKK tại 200 xã biên giới có nhiều thôn ĐBKK (tương đương khoảng gần 50% của tổng số 431 xã biên giới đất liền).

+ Giai đoạn 2 (2025-2030): nhân rộng ra 580 xã ĐBKK khác trong danh sách theo quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 và Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nội dung dự án:

**** Tiểu dự án 8.1: Thực hiện bình đẳng giới, hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số giải quyết một số vấn đề xã hội cấp thiết***

- Truyền thông nâng cao nhận thức, năng lực về giới và lồng ghép giới

+ Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về giới, lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc và cán bộ các ban ngành đoàn thể các cấp, người có uy tín.

+ Phối hợp với các ban/ngành địa phương, các tổ chức quốc tế, phi chính phủ... tổ chức các chiến dịch truyền thông, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho cán bộ bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hấp dẫn và phù hợp với địa bàn DTTS. Đa dạng hình thức và đối tượng tuyên truyền: tuyên truyền cá biệt, tuyên truyền nhóm hộ, nhân tố dẫn dắt là người DTTS...

+ Tăng cường giám sát, phản biện về lồng ghép giới trong chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình/ dự án địa phương. Biên soạn tài liệu/ cung cấp công cụ đánh giá giám sát về lồng ghép giới được thực hiện xuyên suốt và hiệu quả.

+ Xây dựng và tập huấn hướng dẫn sử dụng sổ tay hướng dẫn lồng ghép giới Chương trình MTQG, sổ tay giám sát việc thực hiện và áp dụng sơ đồ thông tin về lồng ghép giới trên cổng thông tin điện tử các bộ, ngành từ trung ương đến địa phương cho đội ngũ cán bộ các cấp.

+ Mỗi năm xây dựng ít nhất 01 chương trình phát thanh/truyền hình bằng

tiếng phổ thông và chuyển thể thành một số tiếng dân tộc thiểu số đặc trưng theo vùng ven nội dung bình đẳng giới. Thông tin, kiến thức về giới được cập nhật, bổ sung hàng năm.

- Trang bị kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình cho phụ nữ

- + Xây dựng ít nhất 05 đầu tài liệu tuyên truyền về các nội dung kiến thức, kỹ năng cung cấp cho các xã thuộc địa bàn dự án; hướng dẫn phụ nữ DTTS tiếp cận thông tin, dịch vụ hỗ trợ phụ nữ trẻ em trên nền tảng số hóa.

- + Mỗi năm, mỗi xã tổ chức ít nhất 6 phiên chợ truyền thông cung cấp kiến thức, kỹ năng sống, phòng chống tự tử, buôn bán người, ma túy, HIV/AIDS, tảo hôn, hôn nhân cận huyết...

- + Mỗi Chi Hội/tổ, nhóm PN được cung cấp 1 bộ tài liệu (sách nói, tranh ảnh, clip, cẩm nang sinh hoạt) về cung cấp kiến thức, kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống tự tử, buôn bán người, ma túy, HIV/AIDS, tảo hôn, hôn nhân cận huyết...

- + Mỗi tháng tổ chức ít nhất 01 buổi sinh hoạt chuyên đề kiến thức kỹ năng gắn với sinh hoạt chi tổ/mô hình sinh kế/tổ TDTK.

- + Xây dựng các mô hình sống khỏe mạnh, an toàn để khuyến khích phụ nữ và trẻ em gái DTTS thực hiện an toàn thực phẩm, phòng chống rác thải nhựa; vận động người thân phòng chống việc lạm dụng chất gây nghiện và sử dụng đồ uống có cồn gây hại; duy trì phong trào thể dục, thể thao thực hành lối sống an toàn, lành mạnh ở cộng đồng;

- + Tổ chức các buổi chia sẻ, cung cấp thông tin, nói chuyện chuyên đề, sự kiện cộng đồng về chăm sóc sức khỏe, làm mẹ an toàn, hướng dẫn thực hành về lối sống lành mạnh, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình... qua các cuộc họp định kỳ của tổ nhóm TKTD và mô hình sinh kế do các đoàn thể quản lý.

- + Đảm bảo sự tham gia, khuyến khích ý kiến của phụ nữ, Hội phụ nữ và các đoàn thể trong các cuộc họp thôn/ bản tại cộng đồng vào hương ước, quy ước, chương trình, dự án, chính sách được triển khai thực hiện tại cơ sở.

- Xóa mù chữ và chống tái mù chữ cho phụ nữ trong độ tuổi 35 - 50

- + Khảo sát thực trạng và nhu cầu xóa mù chữ tại các thôn bản và lập danh sách phụ nữ tham gia các lớp xóa mù.

- + Tổ chức các lớp/tổ/nhóm xóa mù chữ, chống tái mù thông qua phối hợp với Bộ đội Biên phòng hay những phụ nữ, thanh niên biết chữ.

+ Phối hợp biên soạn 01 bộ sách nói dạy chữ tiếng phổ thông theo mô hình xoá mù chữ gắn với nhu cầu cuộc sống như lao động sản xuất, thường thức gia đình, kiến thức nuôi dạy con.. phù hợp với đặc thù và khả năng của phụ nữ dân tộc thiểu số

+ Xây dựng 01 gói chính sách hỗ trợ XMC bao gồm hỗ trợ người đi học, hỗ trợ giáo viên, điều kiện học tập...

- Phòng chống một số hình thức bạo lực trên cơ sở giới (BLTCSG)

+ Tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (phòng chống mua bán người, di cư lao động an toàn, phòng chống bạo lực gia đình..) kỹ năng làm việc, hỗ trợ phụ nữ và nạn nhân cho cán bộ Hội các cấp vùng DTTS và miền núi.

+ Hình thành và duy trì bền vững 01 mô hình can thiệp, phù hợp với văn hóa trình độ phát triển và nhu cầu thực tiễn, giải quyết được vấn đề cấp thiết của PN trên địa bàn (XMC, kỹ năng sống, kỹ năng quản lý kinh tế hộ, chăm sóc SK sinh sản, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, năng lực lòng ghép giới) ở mỗi thôn, bản thuộc địa bàn dự án.

+ Thiết lập và vận hành cơ chế phối hợp liên ngành (chính quyền, Hội phụ nữ, công an, Bộ đội biên phòng...) nhằm xây dựng gia đình và địa bàn an toàn, không có bạo lực, không có tội phạm tệ nạn xã hội.

+ Phối hợp tổ chức các chiến dịch truyền thông, vận động sự ủng hộ của xã hội trong tuyên truyền, phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hấp dẫn và phù hợp với địa bàn DTTS. Hướng dẫn và Hỗ trợ tổ chức các buổi truyền thông định kỳ 3 tháng/lần tại cộng đồng theo các chủ đề thiết thực, phù hợp.

+ Tổ chức biểu dương, tuyên dương điển hình phụ nữ DTTS, cá nhân tiêu biểu có đóng góp tích cực thực hiện mục tiêu BDG (tổ chức 2 kỳ 2025 và 2030 ở quy mô cấp huyện, tỉnh và quy mô toàn quốc).

- Kinh phí tiêu dự án 8.1:1.662.987 tỷ đồng

*** *Tiểu dự án 8.2: Hỗ trợ phụ nữ và trẻ em DTTS tại các vùng đặc biệt khó khăn tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh.***

- Hỗ trợ bà mẹ, trẻ em tiếp cận các gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản có chất lượng.

+ Gói 1: Hỗ trợ bà mẹ tiếp cận các dịch vụ chăm sóc trước sinh có chất

lượng, bao gồm:

. Phụ nữ có thai được hỗ trợ tiền đi lại khi đi khám thai: tối đa 4 lần trong thai kỳ, định mức 100.000 đ/lần (dự toán tại thời điểm xây dựng dự án, mức hỗ trợ có thể thay đổi tùy vào vật giá)

. Hỗ trợ kinh phí làm các xét nghiệm sàng lọc (không được BHYT chi trả): xét nghiệm protein niệu sàng lọc phát hiện sớm nguy cơ tiền sản giật, sản giật; xét nghiệm sàng lọc 3 bệnh lây truyền từ mẹ sang con, bao gồm HIV, viêm gan B và giang mai. Định mức hỗ trợ: 150.000đ/l người

+ Gói 2: Hỗ trợ bà mẹ và 01 người nhà chăm sóc khi đến sinh con tại cơ sở tế:

. Hỗ trợ kinh phí đi lại: 200.000đ/l người

. Hỗ trợ gói vật tư chăm sóc khi sinh, bao gồm: Bỉm sơ sinh, băng vệ sinh cho bà mẹ, tã lót, áo sơ sinh, mũ, bao tay, bao chân em bé, khăn lau bé, túi đo lượng máu mất lúc sinh. Định mức 300.000đ/gói/người.

. Hỗ trợ tiền ăn: 50.000đ/ngày/người cho bà mẹ và 01 người chăm sóc đối với 1 ca sinh nở: tối đa 03 ngày đối với sinh thường và 05 ngày đối với sinh mổ.

+ Gói 3: Hỗ trợ bà mẹ và sơ sinh chăm sóc tại nhà sau sinh:

. Dự án sẽ hỗ trợ kinh phí để thực hiện việc chăm sóc sau sinh tại nhà cho bà mẹ và trẻ sơ sinh tối thiểu 2 lần trong thời kỳ hậu sản, trong đó có 1 lần vào tuần đầu sau sinh.

. Hỗ trợ công cho nhân viên y tế thực hiện chăm sóc tại nhà sau sinh: 50.000đ/lượt x 2 lượt.

. Hỗ trợ lương thực và sữa dinh dưỡng cho bà mẹ nuôi con bú trong 6 tháng đầu sau sinh: 500.000đ/người

+ Gói 4: Hỗ trợ thực hiện khám sức khỏe định kỳ trẻ em dưới 24 tháng tuổi:

. Dự án sẽ hỗ trợ để thực hiện khám sức khỏe toàn diện, định kỳ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi, mỗi trẻ sẽ được khám 4 lần vào các thời điểm 6, 12, 18 và 24 tháng tuổi. Quy trình khám theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

. Hỗ trợ kinh phí đi lại cho cha mẹ đưa trẻ đi khám sức khỏe định kỳ 100.000đ/lượt x 4 lượt

- Hỗ trợ tiền công cho CBYT thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em: 50.000đ/cháu/lượt X 4 lượt

- Tăng cường năng lực cho nhân viên y tế để thực hiện các gói dịch vụ
- + Tập huấn cho cán bộ Trạm y tế xã, cô đỡ thôn bản các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc trước, trong và sau sinh, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em; thực hiện các xét nghiệm sàng lọc: 03 cán bộ/trạm.
- + Tập huấn cập nhật kiến thức, kỹ năng chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, kỹ năng truyền thông trực tiếp cho cô đỡ thôn bản: 100% các CDTB được tập huấn cập nhật tối thiểu 5 năm 1 lần.

d) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Hội LHPN Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Ủy ban Dân tộc, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục, Bộ Lao động TB&XH, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Công An; Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh trọng điểm...
- Phân cấp quản lý
- + Cấp TW: đầu mối chủ trì xây dựng và phối hợp với các bộ, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp TW, chính quyền địa phương, các ngành chức năng và các tổ chức quốc tế thực hiện chỉ đạo tổng thể, chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc thực hiện theo định kỳ kiểm tra, báo cáo tiến độ, rút kinh nghiệm kịp thời để chỉ đạo điều chỉnh.
- + Cấp tỉnh: giám sát trực tiếp, đôn đốc, nắm tình hình việc thực hiện tại địa phương. Đầu mối báo cáo với TW các hoạt động theo định kỳ 6 tháng, 1 năm và các báo cáo đột xuất khi có phát sinh. Chỉ đạo đề xuất các mô hình hiệu quả tại địa phương,
- + Cấp huyện, xã: trực tiếp điều hành hoạt động các mô hình, tổ/nhóm. Lựa chọn, tập hợp hội viên phụ nữ nghèo, các nhân tố tích cực... tại cộng đồng tham gia dự án. Thực hiện cơ chế trao đổi/tư vấn/hỗ trợ trực tiếp với đầu mối điều hành dự án của cả 3 cấp.

e) Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện dự án: 1.569,8 tỷ đồng

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban Dân tộc

- Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành, địa phương liên quan.
- Tổng kinh phí thực hiện: 3.045,82 tỷ đồng, trong đó:
- Ngân sách trung ương: 2.951,32 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 1.621,98 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 1.329,34 tỷ đồng);
- Ngân sách địa phương: 94,50 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp)

9.1. Tiểu dự án 9.1: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người

a) Mục tiêu:

- Duy trì, phát triển và nâng cao vị thế của các dân tộc thiểu số rất ít người; xóa đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc rất ít người một cách bền vững nhằm giảm dần sự chênh lệch về khoảng cách phát triển với đồng bào các dân tộc khác trong vùng; ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các thôn, bản nơi *sinh sống tập trung* của đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người ; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần vào việc bảo vệ môi trường, rừng đầu nguồn và chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Hỗ trợ cải thiện tình trạng dân số của các dân tộc thiểu số rất ít người cả về số lượng và chất lượng, nhằm đạt được mức sinh thay thế, giảm mạnh tỷ lệ tử vong mẹ và trẻ em, giảm mạnh tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi, góp phần nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo sự phát triển đồng đều và bình đẳng giữa các dân tộc.

b) Đối tượng hỗ trợ

* Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người:

Đầu tư trực tiếp tại địa bàn 282 thôn, bản thuộc 120 xã⁵ có đồng bào các dân tộc thiểu số rất ít người sinh sống tập trung 12 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Kon Tum (gồm các dân tộc: La Ha, Phù Lá, Bố Y, Lự, Pà Thẻn, Lô Lô, Chứt, Si La, Pu Páo, Ó Đu, Brâu, Rơ Măm).

* Duy trì/bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người:

Duy trì và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người trên phạm vi toàn quốc trong đó chú trọng địa bàn 12 tỉnh có dân tộc thiểu số rất ít người cư trú tập trung:

⁵ Quyết định 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 gồm: 194 thôn, bản; 93 xã;
Quyết định 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 gồm: 88 thôn, bản; 27 xã;

Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Kon Tum.

c) Nội dung đầu tư/hỗ trợ

* Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021 – 2030 (Quyết định 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016)

- Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hoàn thiện kết cấu cơ sở hạ tầng tại các thôn, bản theo tiêu chí nông thôn mới: bảo đảm các thôn, bản đều có đủ các hạng mục cần thiết như: đường giao thông, cầu, cống; điện sản xuất, sinh hoạt; thủy lợi và nước sinh hoạt; nhà sinh hoạt cộng đồng và lớp học.

- Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào: sưu tầm các loại hình văn hóa truyền thống đặc sắc; truyền dạy tiếng dân tộc theo hình thức truyền khẩu, truyền dạy văn hóa truyền thống tiêu biểu; khôi phục nghề truyền thống tiêu biểu; phục dựng và bảo tồn các lễ hội truyền thống tiêu biểu; khôi phục, sản xuất nhạc cụ, trang phục truyền thống; cấp trang thiết bị cho nhà sinh hoạt cộng đồng; thành lập đội văn nghệ thôn, bản; xây dựng điểm thôn, bản tiêu biểu bảo tồn kiến trúc văn hóa truyền thống.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất: hỗ trợ cho mô hình hiệu quả, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm: hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phân bón, vắc xin tiêm phòng; tập huấn cho các hộ gia đình về kiến thức sản xuất; tham quan học tập cho cộng đồng; hỗ trợ cho cán bộ khuyến nông về công tác tại các thôn, bản.

- Đào tạo, sử dụng cán bộ dân tộc và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở: bồi dưỡng, đào tạo cán bộ thôn, bản, xã: quản lý nhà nước; kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các dự án phát triển cộng đồng; tập huấn về nghiệp vụ hoạt động văn hoá, thông tin cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng để có đại diện các dân tộc thiểu số rất ít người tham gia hệ thống chính trị các cấp phù hợp.

* Duy trì và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người *(Theo Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới)*

- Về truyền thông

+ Nâng cao nhận thức thay đổi hành vi về Dân số-KHHGD/chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, thanh niên

+ Xây dựng các sản phẩm truyền thông

+ Nâng cao năng lực mạng lưới cộng tác viên, tư vấn, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng DTTSRIN

- Về chuyên môn:

+ *Sàng lọc trước sinh, sau sinh*

Đảm bảo hỗ trợ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị đối với bà mẹ mang thai được tầm soát 04 loại bệnh tật (Down, Edward, Patan, Thalassamia) có tỷ lệ mắc bệnh cao trước sinh và 05 loại bệnh tật bẩm sinh (thiếu men G6PD, suy giáp trạng bẩm sinh, tăng sản tuyến thượng thận, tim bẩm sinh, loạn dưỡng cơ...) có tỷ lệ mắc bệnh cao được tầm soát sơ sinh.

+ Hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em:

. *Bà mẹ mang thai:*

Tổ chức các hoạt động tư vấn và dinh dưỡng bao gồm: chế độ dinh dưỡng, chế độ nghỉ ngơi, kiến thức về việc bổ sung viên sắt/viên đa vi chất phòng chống thiếu máu thiếu sắt trong quá trình theo dõi thai nghén.

Hỗ trợ chăm sóc, cung cấp bổ sung dinh dưỡng tại hộ gia đình cho bà mẹ trước, trong và sau sinh: các vitamin A, vitamin D, kẽm, sắt, canxi ...và khoáng chất với tỷ lệ thích hợp nhằm cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng, đảm bảo sự phát triển của tốt hơn của thai nhi ngay từ trong bụng mẹ, nâng cao chất lượng duy trì giống nòi. Thúc đẩy nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu;

. *Trẻ em dưới 5 tuổi*

Hỗ trợ uống miễn phí Vitamin A 2 lần/năm đối với trẻ em từ 6 đến 36 tháng tuổi;

Hỗ trợ, bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi có nguy cơ cao thiếu vitamin A (trẻ bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm cấp đường hô hấp) được điều trị trong bệnh viện và cơ sở y tế tuyến huyện, xã góp phần phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, nâng cao tầm vóc;

Theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ dưới 6 tuổi, đặc biệt đối với trẻ < 2 tuổi đi kèm theo tư vấn giúp trẻ tăng trưởng bình thường;

Hỗ trợ hộ gia đình khám sức khỏe miễn phí 2 lần/trẻ/năm học;

Hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng, sữa học đường cho trẻ tại các cơ sở giáo dục công lập;

+ *Hỗ trợ về giáo dục*

Hỗ trợ tổ chức các lớp học xóa mù chữ phù hợp với tập quán sinh hoạt của đồng bào DTTSRIN;

- Xây dựng mô hình thí điểm nâng cao chất lượng dân số ở một số dân tộc có số dân dưới 10 nghìn người.

d) Phân công thực hiện:

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

* Tổng kinh phí: 4.026.367 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 3.976, 367 tỷ đồng

+ Ngân sách địa phương: 50 tỷ đồng

* Phân chia kinh phí thực hiện hỗ trợ các nội dung:

- *Đối với hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người*

Kinh phí thực hiện: 1.493.769 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.493.768 tỷ đồng (vốn đầu tư: 1.385.581 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 108.187 tỷ đồng);

- *Đối với duy trì và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021- 2025:* Kinh phí thực hiện 922,052 tỷ đồng

Ngân sách trung ương: 922,052 (vốn đầu tư: 236,400 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 685,652 tỷ đồng);

9.2. Tiểu dự án 9.2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2015 – 2025

a) Mục tiêu: thông qua việc nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật, chuyển đổi hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN; Trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN vào năm 2025; Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, DTTS có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao. Đến

năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

b) Đối tượng:

- Nhóm vị thành niên, thanh niên là người dân tộc thiểu số;
- Các bậc cha mẹ và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Nhóm phụ nữ và nam giới người dân tộc thiểu số tảo hôn, kết hôn cận huyết thống;
- Lãnh đạo cấp uỷ đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng dân tộc thiểu số;
- Những người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

c) Nội dung:

- Biên soạn, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông; tài liệu tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình trong vùng đồng bào DTTS&MN. Đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động, thay đổi hành vi của đồng bào DTTS về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, lễ hội nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.
- Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp, nghiên cứu, ứng dụng, triển khai nhân rộng các mô hình, bài học kinh nghiệm trong và ngoài nước phù hợp nhằm thay đổi hành vi, tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng nhằm thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.
- Đối với giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN

d) Kinh phí thực hiện: 630,0 tỷ đồng, trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 535,5 tỷ đồng (vốn sự nghiệp);
- + Ngân sách địa phương: 94,5 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban Dân tộc
- Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành, địa phương liên quan.
- Tổng kinh phí thực hiện: 7.682,00 tỷ đồng, trong đó:
 - Ngân sách trung ương: 6.651,60 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 1.120,00 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 5.531,60 tỷ đồng);
 - Ngân sách địa phương: 445,40 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 138,00 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 158,00 tỷ đồng);

10.1. Tiểu dự án 1: Xây dựng đội ngũ người có uy tín và tôn vinh tập thể, cá nhân xuất sắc, tiêu biểu

a) Mục tiêu:

- Xây dựng đội ngũ người có uy tín và tôn vinh tập thể, cá nhân xuất sắc điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Tạo chuyển biến về nhận thức và ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước; vận động đồng bào các dân tộc xây dựng xã hội lành mạnh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, nhằm ổn định chính trị, tạo sự đồng thuận xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Đối tượng:

- + Người dân cư trú ở vùng đồng bào DTTS&MN;
- + Cán bộ, công chức, viên chức, sinh sống, công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN;
- + Già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS&MN;

c) Nội dung:

- + Xây dựng đội ngũ người có uy tín, thực hiện chế độ, chính sách theo QĐ 12/2018 của các địa phương và của UBDDT. Xây dựng lực lượng cốt cán. Đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng cốt cán, người có uy tín. Cung cấp thông tin cho lực lượng cốt cán, người có uy tín
- + Xây dựng, triển khai, nhân rộng mô hình các điển hình tiên tiến

+ Hội nghị biểu dương, tôn vinh học sinh, sinh viên xuất sắc và những thanh niên điển hình tiên tiến trong học tập, thể thao, lao động, sản xuất giỏi là người dân tộc thiểu số; tổ chức gặp mặt giao lưu, biểu dương, tôn vinh đối với già làng, trưởng bản, phum, sóc và người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tại 4 khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Duyên hải Miền Trung và Tây Nam Bộ; tổ chức giao lưu, biểu dương tôn vinh đối với người có uy tín sinh sống dọc tuyến biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam – Campuchia; Hội nghị biểu dương phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số về các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ an ninh Tổ quốc...Hội nghị Biểu dương, tôn vinh Người có uy tín, Nhân sỹ trí thức và Doanh nhân tiêu biểu là người dân tộc thiểu số.

d) Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bộ Công an và Ủy ban Dân tộc

e) Kinh phí thực hiện 747,0 tỷ đồng từ ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp)

10.2. Tiểu dự án 2: Thông tin, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật

a) Mục tiêu:

- Tạo chuyển biến về nhận thức và ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước; vận động đồng bào các dân tộc xây dựng xã hội lành mạnh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, nhằm ổn định chính trị, tạo sự đồng thuận xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tuyên truyền nhằm làm cho các nước, người nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài và người nước ngoài sinh sống, làm việc ở Việt Nam) hiểu biết về đất nước, con người Việt Nam trong đó có đồng bào vùng DTTS&MN; những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; thu hút đầu tư vào vùng DTTS&MN.

b) Đối tượng:

- Người dân cư trú ở vùng đồng bào DTTS&MN; Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở; Cán bộ, công chức, viên chức, công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN;

- Già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc tôn giáo ở các thôn ĐBKK, xã ĐBKK tại tỉnh có đông đồng bào DTTS sinh sống;

- Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các thôn, xã ĐBKK vùng DTTS&MN;

c) Nội dung hỗ trợ:

- Đẩy mạnh PBGDPL và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS&MN:

- + Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở; già làng, trưởng bản, người có uy tín....

- + Xây dựng mô hình điểm về PBGDPL và tuyên truyền, vận động tại ở các xã, thôn, bản vùng đặc biệt khó khăn, nơi có đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người cư trú.

- + Phát hành tài liệu về chính sách dân tộc (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác).

- + Xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên sóng phát thanh, truyền hình quốc gia và địa phương.

- + Thông tin, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số; tham quan học tập mô hình, triển lãm, pa nô, áp phích, tranh cổ động, băng rôn, khẩu hiệu.....

- + Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về CTDT, CSDT; thi nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật từ Trung ương đến cơ sở.

- Cấp Radio chon người có uy tín trong đồng bào DTTS và hộ nghèo vùng DTTS&MN: Trong 5 năm, trang bị cho mỗi đối tượng thụ hưởng 01 chiếc Radio.

- Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS&MN vùng đặc biệt khó khăn: Cấp không thu tiền một số tờ báo, tạp chí cho các đối tượng là UBND, HĐND, UB MTTQ xã vùng DTTS&MN, thôn bản ĐBKK và chùa Khmer; Người có uy tín trong đồng bào DTTS; Hội nông dân xã, chi hội nông dân thôn bản ĐBKK thuộc xã khu vực III; Đoàn TN CSHCM xã, chi đoàn thôn bản ĐBKK; Trường Tiểu học, Trung học cơ sở; Trường Dân tộc nội trú, Dân tộc bán trú cụm xã các xã vùng DTTS&MN; Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ xã vùng DTTS&MN; Chi hội Chữ thập đỏ thôn, bản ĐBKK.

- Trang bị cụm đài truyền thanh thông minh: Trang bị cho mỗi xã ĐBKK 01 bộ đài truyền thanh thông minh triển khai đến các thôn trong xã thay thế đài truyền thanh không dây (không còn phù hợp)

- Thông tin đối ngoại vùng DTTS&MN:

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức thông tin đối ngoại cho công chức, viên chức làm công tác dân tộc từ trung ương đến cơ sở.

+ Xây dựng báo điện tử về công tác dân tộc tiếng nước ngoài.

+ Tổ chức triển lãm thành tựu phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN ở nước ngoài.

- Xây dựng cơ quan truyền thông đa phương tiện về công tác dân tộc

+ Báo in: Bao gồm báo viết và báo ảnh (Phân ngôn ngữ chú thích hình ảnh sử dụng ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số).

+ Tạp chí Dân tộc: (Ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ một số dân tộc thiểu số).

+ Báo Điện tử: Báo Điện tử tiếng Việt; Báo Điện tử phiên bản tiếng Anh.

+ Báo hình: Bản tin truyền hình trên Báo Điện tử và các chương trình văn hóa, nghệ thuật; các dữ liệu có minh họa hình ảnh về 53 dân tộc thiểu số Việt Nam.

+ Phát thanh: Chuyển thể nội dung Báo Dân tộc điện tử thành lời thoại, phát 24/24h (trên môi trường internet).

+ Báo ảnh: Chuyển tải nội dung thông tin tuyên truyền bằng hình ảnh trên môi trường internet.

- Hỗ trợ thông tin tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo: Biên soạn tài liệu phục vụ hoạt động bồi dưỡng, tập huấn về dân tộc, tôn giáo; Tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo; Phát hành sách phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo; Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ báo chí in, xuất bản ấn phẩm tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo.

- Hoạt động truyền thông và giảm nghèo về thông tin:

+ Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo; Xây dựng, tổ chức các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo; Tổ chức phổ biến cho hộ nghèo về chính sách giảm nghèo, kinh nghiệm, gương điển hình về giảm nghèo; Phát triển, tăng cường hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.

- + Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo;

- + Tăng cường nội dung thông tin đến đồng bào vùng DTTS&MN

- Nâng cấp đài phát thanh, truyền hình Sóc Trăng đáp ứng được yêu cầu là đài phát thanh, truyền hình khu vực phục vụ đồng bào dân tộc Khmer (và các dân tộc khác).

d) Phân công thực hiện:

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 4.084 tỉ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 4.084 tỉ đồng (Vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 0 đồng.

10.3 Tiểu dự án 3: Ứng dụng công nghệ thông tin phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Mục tiêu:

Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng đồng bào DTTS&MN với các địa bàn trong cả nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; chủ động phòng chống các tình huống gây mất an ninh, trật tự vùng đồng bào DTTS&MN; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

b) Đối tượng:

- Đồng bào DTTS trong cả nước;

- Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương;

- Mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu khai thác, trao đổi, công bố thông tin về lĩnh vực công tác dân tộc.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin, chú trọng các lĩnh vực kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng

+ Xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT để phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh trật tự;

+ Xây dựng bộ dữ liệu về các dân tộc thiểu số, tập trung vào các lĩnh vực: lịch sử, văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán các dân tộc thiểu số; các sản phẩm truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; thông tin địa lý vùng đồng bào DTTS&MN có tích hợp dữ liệu thông tin đa phương tiện;

+ Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin thuận lợi trên thiết bị di động thông minh để hỗ trợ phổ biến đường lối chính sách, pháp luật; giáo dục về giới tính, quyền phụ nữ, quyền trẻ em cho đồng bào dân tộc thiểu số; cung cấp thông tin việc làm phù hợp với trình độ, nhu cầu của đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ chẩn đoán, khám, chữa bệnh từ xa đối với đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Xây dựng, phát triển các ứng dụng hỗ trợ cảnh báo thiên tai, thảm họa, cứu hộ, cứu nạn vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Xây dựng các ứng dụng CNTT cho đồng bào DTTS trong lĩnh vực y tế hỗ trợ, tuyên truyền, chẩn đoán, khám, chữa bệnh từ xa;

+ Xây dựng các ứng dụng CNTT cho đồng bào DTTS trong lĩnh vực giao thông, vận tải; tuyên truyền về an toàn giao thông; số hóa bản đồ giao thông, hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn vùng DTTS;

+ Xây dựng diễn đàn đối thoại trực tuyến về công tác dân tộc nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; chống các luận điệu sai trái, xuyên tạc gây mất an ninh trật tự;

+ Xây dựng và phát triển Bộ từ điển tiếng dân tộc điện tử;

+ Tận dụng tối đa các cơ sở hạ tầng, trang thiết bị sẵn có thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Nâng cấp nền tảng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương.

+ Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc phù hợp với mô hình tổ chức, nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc và cơ quan làm công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương bảo đảm khả năng tích hợp, đồng bộ, truy xuất, chia sẻ, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin liên quan đến công tác dân tộc; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin;

+ Thiết kế, nâng cấp hệ thống hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương;

+ Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo kết nối đồng bộ, thông suốt và có khả năng chia sẻ, trao đổi thông tin đảm bảo an toàn, thuận tiện giữa Ủy ban Dân tộc và cơ quan công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương;

+ Xây dựng thư viện điện tử về công tác dân tộc có khả năng trao đổi, liên kết với các cơ quan thông tin thư viện khác trong và ngoài hệ thống để hỗ trợ chuyên nghiệp vụ, tiết kiệm thời gian xử lý thông tin; cung cấp nguồn thông tin đa dạng, phong phú cho người làm công tác dân tộc;

+ Nâng cấp hệ thống an ninh, bảo mật của hệ thống thông tin về công tác dân tộc;

+ Ưu tiên đầu tư cho các dự án nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ về phần mềm phù hợp với các định hướng phát triển của Đề án.

- Hỗ trợ smartphone cho đồng bào dân tộc thiểu số để khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin về công tác dân tộc, đối tượng bao gồm :

+ Già làng, trưởng thôn, bản (Phum, sóc, buôn...), người có uy tín, các chức sắc tôn giáo ở các thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực III và các tỉnh/thành phố;

+ Bí thư chi bộ, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ, Bí thư Chi đoàn thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, cán bộ khuyến nông, cán bộ Ban Công tác mặt trận, cán bộ Tư pháp, cán bộ Văn hóa thông tin ở các thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực III, xã biên giới và các tỉnh/thành phố;

+ Cán bộ, chiến sỹ làm công tác tuyên truyền, vận động đồng bào ở các đồn, trạm, Đội công tác biên phòng đóng trên các xã vùng tiếp giáp biên giới.

- Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số

+ Xây dựng và tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, phổ cập các kiến thức về công nghệ thông tin nhằm nâng cao nhận thức cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo vùng đồng bào DTTS&MN, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Xây dựng và triển khai việc đào tạo nhằm nâng cao nhận thức, chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN ứng dụng công nghệ thông tin để tuyên truyền cho đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Tổ chức các mô hình đào tạo từ xa theo hình thức trực tuyến cho đồng bào dân tộc, tập trung vào các lĩnh vực tiếng dân tộc, trang bị kiến thức khoa học, kỹ thuật phục vụ sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số và đào tạo nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số;

+ Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về ứng dụng thương mại điện tử cho đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đồng bào triển khai hoạt động thương mại điện tử trên sàn giao dịch điện tử;

+ Tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tìm kiếm, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 do các cơ quan nhà nước cung cấp;

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, thông tin phổ biến kiến thức về công nghệ thông tin.

- Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông cho người làm công tác dân tộc

+ Phát triển các hình thức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin trong lĩnh vực công tác dân tộc;

+ Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, tổ chức các lớp đào tạo từ xa bằng phương thức trực tuyến cho cán bộ, công chức và viên chức làm công tác dân tộc về kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách

+ Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lao động, sản xuất;

+ Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo cho đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin;

+ Ban hành các văn bản nhằm tăng cường sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan làm công tác dân tộc.

+ Xây dựng cơ chế vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư đóng góp vào bộ dữ liệu dân tộc thiểu số

d) Phân công thực hiện:

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

Kinh phí thực hiện 2021-2025: 1.950,6 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.170,0 tỷ đồng (vốn đầu tư: 1.020,0 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 150 tỷ đồng);

+ Ngân sách địa phương: 196 tỷ đồng (vốn đầu tư: 138 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 58 tỷ đồng).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 0 tỷ đồng.

10.4. Tiểu dự án 4: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

a) Mục tiêu:

- Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

b) Đối tượng:

- Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (khi cần thiết);

d) Phân công thực hiện:

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

e) Vốn và nguồn vốn:

Kinh phí thực hiện: 900 tỷ đồng từ ngân sách trung ương: 900 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình được phê duyệt và tổ chức thực hiện sẽ có nhiều tác động tích cực đến phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần khắc phục tồn tại, hạn chế hiện nay. Đảm bảo sự công bằng, công khai và minh bạch, ưu tiên nguồn lực ngân sách đầu tư, hỗ trợ những nơi khó khăn hơn, khắc phục được những bất cập như: nguồn lực tài chính phân bổ dàn trải, thiếu tập trung; việc bố trí vốn cho các chính sách sẽ thể hiện rõ tính ưu tiên, chủ động về kinh phí, đảm bảo mục tiêu và kế hoạch đã được phê duyệt. Chương trình sẽ góp phần thúc đẩy KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN phát triển bền vững; tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững; giải quyết khó khăn về cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; giải quyết căn bản một số bức xúc về đời sống và sinh kế của người DTTS sinh sống ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn. Góp phần củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh, đối ngoại; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng vững mạnh; xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nâng cao niềm tin của đồng bào các DTTS đối với Đảng và Nhà nước.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. HỆ THỐNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ

1.1. Kiến nghị Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gọi tắt là Ban Chỉ đạo quốc gia) bao gồm: Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc làm Phó trưởng Ban thường trực; Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính làm Phó trưởng Ban; các ủy viên là lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan...

Ban Chỉ đạo quốc gia có các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xác định chiến lược, định hướng và các giải pháp triển khai. Đề xuất lên Chính phủ những thay đổi trong lĩnh vực chính sách và pháp lý liên quan đến DTTS&MN. Hướng dẫn và chỉ đạo thống nhất trong cả nước quá trình thực hiện Chương trình;

- Tổ chức và chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất ý kiến cho Chính phủ về những chủ trương chính sách, đề án lớn và những vấn đề quan trọng trong lĩnh vực DTTS&MN;

- Chỉ đạo tổng hợp phân tích đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, các chỉ tiêu của Chương trình trong kế hoạch hàng năm và 5 năm.

Giúp việc Ban chỉ đạo quốc gia có Văn phòng CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

1.2. Thành lập các Ban chỉ đạo ở địa phương vùng DTTS&MN để theo dõi, đôn đốc, triển khai, thực hiện ở các tỉnh có đủ tiêu chí thành lập.

2. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

2.1. Ủy ban Dân tộc

- Là cơ quan thường trực của Chương trình; có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu cho Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp, bộ máy để tổ chức thực hiện đảm bảo các nguyên tắc trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo của Chính phủ thực hiện Chương trình để chỉ đạo, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển, tiếp cận với cách phân định mới; ban hành các văn bản quy định cơ chế chính sách đặc thù về: Đầu tư hạ tầng KT-XH cấp huyện, cấp xã và thôn, bản vùng đồng bào DTTS&MN; tạo sinh kế, tăng thu nhập cho hộ nghèo, cận nghèo vùng đồng bào DTTS&MN; về khởi nghiệp kinh doanh; về tuyên truyền vận động, phổ biến giáo dục pháp luật...;

- Tiếp tục triển khai Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 "Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam";

- Tăng cường hợp tác quốc tế về công tác dân tộc. Ưu tiên hợp tác quốc tế với các quốc gia có chung đường biên giới đất liền và các quốc gia có điều kiện kinh tế xã hội, hệ thống chính trị tương đồng.

2.2. Bộ Kế hoạch và đầu tư

- Tham mưu xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 phù hợp với

mục tiêu, chiến lược phát triển KT-XH chung của cả nước và hướng dẫn, triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan tổng hợp, cân đối, bố trí vốn, thẩm định nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN và hướng dẫn tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung liên quan.

2.3. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo, hướng dẫn phân bổ và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo đảm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các nhiệm vụ giải pháp khác để đạt được mục tiêu của Đề án.

2.4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về cơ chế chính sách đầu tư trồng rừng, bảo vệ rừng vùng đồng bào DTTS&MN và các chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

2.5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với lao động dân tộc thiểu số, thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng và đào tạo nghề.

2.6. Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành, địa phương tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các chính sách nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt chú trọng việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công

nghệ cao trong các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với đồng bào dân tộc.

2.7. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Giữ vững và phát huy thành quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Nâng cao chất lượng, mở rộng, đổi mới phương thức và mô hình hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đổi mới nội dung, phương thức cử tuyển, chế độ dự bị đại học; có cơ chế chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.8. Bộ Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản liên quan để tổ chức, triển khai thực hiện về lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe người dân và các chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

2.9. Bộ Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản liên quan để tổ chức, triển khai thực hiện về chính sách đào tạo, tuyển dụng cán bộ người DTTS, vùng đồng bào DTTS&MN và các chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

2.10. Bộ Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào DTTS&MN và các chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

2.11. Bộ Công thương

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về đầu tư điện lưới quốc gia, cơ chế chính sách tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN và các chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

2.12. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về cơ chế chính sách đặc thù lĩnh vực thông tin và truyền thông vùng đồng bào DTTS&MN và các chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

2.13. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về cơ chế chính sách đặc thù bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các DTTS và các chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

2.14. Bộ Quốc phòng

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về cơ chế chính sách đặc thù đảm bảo an ninh quốc phòng gắn với phát triển bền vững vùng biên giới, chính sách đào tạo, tuyển dụng con em đồng bào các DTTS và các chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

2.15. Bộ Công an

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về cơ chế chính sách đặc thù về đảm bảo an ninh trật tự, kiểm soát và phòng chống tệ nạn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN; chính sách đào tạo, tuyển dụng con em đồng bào các DTTS và các chính sách liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

2.16. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về cơ chế chính sách đặc thù về cơ chế chính sách đặc thù về tín dụng chính sách cho vùng đồng bào DTTS&MN

2.17. Ngân hàng Chính sách Xã hội

Căn cứ vào mục tiêu, kinh phí để thực hiện vốn tín dụng chính sách, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

2.18. Các Bộ, ngành liên quan

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các nhiệm vụ khác được giao tại Chương trình;

- Tổ chức triển khai các nội dung, chương trình trong phạm vi, nhiệm vụ liên quan đến Bộ, ngành quản lý;

- Xây dựng các Chương trình, kế hoạch và các văn bản liên quan để tổ chức thực hiện;

- Định kỳ đánh giá, sơ kết, tổng kết, báo cáo, kiến nghị với Ban chỉ đạo Trung ương về việc tổ chức, thực hiện các nội dung của Chương trình để tổng hợp báo cáo Quốc hội, Chính phủ.

2.19. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ của Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

2.20. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình;

- Thành lập các Ban chỉ đạo để theo dõi, đôn đốc, triển khai, thực hiện ở các tỉnh có đủ tiêu trí thành lập. Bố trí nguồn lực, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất cho việc thực hiện Chương trình;

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện Chương trình trong phạm vi địa phương mình;

- Định kỳ đánh giá, sơ kết, tổng kết, báo cáo, kiến nghị với Ban chỉ đạo Trung ương và các Bộ, ngành liên quan về việc tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình./.

MỤC LỤC

I. TÊN CHƯƠNG TRÌNH VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
1. Tên Chương trình	1
2. Cơ quan quản lý Chương trình.....	1
II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	1
1. Mục tiêu tổng quát.....	1
2. Mục tiêu cụ thể.....	2
2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025	2
2.2. Mục tiêu đến năm 2030.....	4
III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	4
1. Đối tượng thực hiện Chương trình.....	4
2. Phạm vi thực hiện Chương trình	4
IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN	4
V. TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 ..	5
VI. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	5
1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	5
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	9
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.....	10
3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế lâm nghiệp.....	10
3.2. Tiểu Dự án 2: Ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển vùng nguyên liệu, chế biến thức ăn và chăn nuôi đại gia súc, gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	11
3.3. Tiểu Dự án 3: Phát triển dược liệu quý phù hợp vùng đồng bào DTTS&MN	14
3.4. Tiểu dự án 4: Hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	20

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.	25
5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. ...	28
5.1. Tiểu dự án 1: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi	28
5.2. Tiểu dự án 2. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.....	29
5.3. Tiểu dự án 3: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học	30
5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	31
5.5. Tiểu dự án 5: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	32
5.6. Tiểu dự án 6: Công chức dự bị cấp xã đáp ứng nhu cầu nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi	32
5.7. Tiểu dự án 7: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi.....	33
5.8. Tiểu dự án 8: Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số	34
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.....	35
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao thể lực, tầm vóc người dân tộc thiểu số.....	37
8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.....	38
* Tiểu dự án 8.1: Thực hiện bình đẳng giới, hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số giải quyết một số vấn đề xã hội cấp thiết.....	40
* Tiểu dự án 8.2: Hỗ trợ phụ nữ và trẻ em DTTS tại các vùng đặc biệt khó khăn tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh.....	42
9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	44

9.1. Tiểu dự án 9.1: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người.....	45
9.2. Tiểu dự án 9.2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2015 – 2025.....	48
10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.	50
10.1. Tiểu dự án 1: Xây dựng đội ngũ người có uy tín và tôn vinh tập thể, cá nhân xuất sắc, tiêu biểu	50
10.2. Tiểu dự án 2: Thông tin, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật giai đoạn 2021-2025.....	51
10.3 Tiểu dự án 3:Ứng dụng công nghệ thông tin phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	54
10.4. Tiểu dự án 4: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.	58
VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	59
IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	59
1. HỆ THỐNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ	59
2. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG.....	60